TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **29**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 3 - 2024
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Ngọc Thành và bà Trần Thị Yến Nhi.
- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Văn Năng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai *tham gia phiên tòa:* Bà Lại Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 511/2023/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2023, về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2024/QĐST- HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Ngọc H**, sinh năm 1994, nơi đăng ký thường trú: Tổ X, ấp K H, xã M H S, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang; chỗ ở hiện nay: Ấp B T 1, xã Đ H H, huyện Đức Hòa, tỉnh L An;
- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1982, nơi cư trú: Tổ K, đường B T Y, ấp P T, xã P T1, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

(Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt,
bị đơn vắng mặt nhưng không rõ lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/10/2023 và lời khai trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn T yêu thương nhau và bà đã sinh con của ông T là cháu Nguyễn Hoàng Phi L, sinh ngày 16/02/2012. Đến năm 2014, ông bà tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P S, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 02 tháng 01 năm 2014. Trong thời gian sống chung, ông T không lo làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình, vợ con; thường tụ tập nhậu nhẹt, say xỉn. Khi con ốm đau, ông T đi làm nhưng không gửi tiền để lo cho con nên bà phải vay tiền chữa trị thì ông T về nhà chửi, đánh bà. Do không thể chịu đựng được nên từ tháng 6/2019, bà đưa con chung về nhà cha mẹ đẻ sinh sống

và vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Hiện tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà và ông T có 02 (hai) con chung là: Nguyễn Hoàng Phi L, sinh ngày 16/02/2012 và Nguyễn Hoàng Quốc H, sinh ngày 13/7/2017. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến bị đơn nhưng bị đơn không đến Tòa án để làm việc, không giao nộp tài liệu, chứng cứ để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tòa án lập Biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân của các đương sự tại địa phương và thông báo kết quả thu thập được tài liệu, chứng cứ gửi đến các đương sự. Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ: Nguyên đơn không có ý kiến về các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp, cũng như các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án đã thu thập được và không bổ sung tài liệu, chứng cứ nào khác; bị đơn vắng mặt, Tòa án đã Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tống đạt theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng trình tự tố tụng theo quy định đối với một phiên tòa sơ thẩm.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:*

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 85, 89, 91, 92 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Cho bà Nguyễn Thị Ngọc H được ly hôn với ông Nguyễn Văn T; giao các con chung là Nguyễn Hoàng Phi L, sinh ngày 16/02/2012 và Nguyễn Hoàng Quốc H, sinh ngày 13/7/2017 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng; ông T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà H không yêu cầu; về tài sản chung, nợ chung: Tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi có tranh chấp; về án phí: Nguyên đơn phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Xác định thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Văn T cư trú tại ấp P T, xã P T1, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, căn cứ theo điểm a, khoản 1 Điều

35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

[1.2] Xác định quan hệ pháp luật: Bà H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T và giải quyết việc nuôi dưỡng con chung chưa thành niên. Vì vậy, quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Xác định tư cách đương sự: Bà H khởi kiện đối với ông T. Căn cứ theo khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định bà H là nguyên đơn, ông T là bị đơn trong vụ án.

[1.4] Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

[2.1] Về hôn nhân: Các đương sự tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Phú Sơn, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 01, ngày 02 tháng 01 năm 2014. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ, khi bà H yêu cầu ly hôn thì Tòa án căn cứ Luật hôn nhân gia đình để giải quyết.

Trên cơ sở lời khai của đương sự và tài liệu, chứng cứ thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng thể hiện: Các đương sự sống chung nhưng không hạnh phúc, thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã và xô sát với nhau và các đương sự sống ly thân hơn hai năm nay. Tình cảm vợ chồng không còn nên bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, ông T đã biết được việc Tòa án thụ lý vụ án, được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng, cho thấy ông T không mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, tiếp tục chung sống với nhau, cũng như không đưa ra ý kiến gì phản đối việc bà H yêu cầu ly hôn với mình.

Từ những đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Các đương sự đã vi phạm nghiêm trọng về nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ giữa vợ và chồng; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình, làm hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không được liên tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con và cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự có 02 con chung là: Nguyễn Hoàng Phi L, sinh ngày 16/02/2012 và Nguyễn Hoàng Quốc H, sinh ngày 13/7/2017. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, bị đơn không gửi ý kiến, yêu cầu của mình và cũng không phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Mặt khác, từ khi vợ chồng sống ly thân các con chung đều do bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, để tránh xáo trộn trong cuộc sống và tránh ảnh hưởng đến tâm lý của các con chung nên giao cháu cháu L và cháu H cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng

là có cơ sở pháp luật. Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết và Tòa án cũng không ghi nhận được ý kiến, yêu cầu của bị đơn về việc giải quyết tài sản chung khi nào có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[2.4] Về nợ chung: Nguyên đơn khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án cũng không ghi nhận được ý kiến, yêu cầu của bị đơn về việc giải quyết nợ chung nên khi nào có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, 147; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 235, 238, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 39 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điều 85, 89, 91, 92, 93 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H.

1.1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc H được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

1.2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà H và ông T có 02 (hai) con chung là: Nguyễn Hoàng Phi L, sinh ngày 16/02/2012 và Nguyễn Hoàng Quốc H, sinh ngày 13/7/2017. Giao cháu L và cháu H cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không giải quyết.

Các đương sự có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây cản trở. Vì lợi ích của con chung các đương sự có quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không ghi nhận được yêu cầu của đương sự về việc giải quyết tài sản chung, nợ chung nên không giải quyết. Khi nào có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) bà H đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0001421 ngày 27/10/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Bà H đã nộp đủ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự (Để thi hành);
- VKSND huyện Tân Phú;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- UBND xã P S, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (Đăng ký kết hôn số 01 ngày 02/01/2014);
- Lưu hồ sơ vụ án, Lưu trữ cơ quan.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nam